

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm,
giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ,
từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Hướng dẫn số 45-HD/BTCCTW, ngày 21/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.
2. Quy định này áp dụng đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế "có vào, có ra, có lên, có xuống" trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

- Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các ngành, các cấp.

- Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp uỷ, tổ chức đảng; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời, phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

- Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của

tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

- Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc uỷ quyền cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (*khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy*).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

6. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (*không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ*).

7. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

8. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

9. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

11. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ**

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, uỷ quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh định hướng và quyết định các chủ trương, nội dung quan trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy định của Trung ương và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
2. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; phân công, phân cấp cho các cấp uỷ, tổ chức đảng quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý và các chức danh cán bộ khác; uỷ quyền

cho Thường trực Tỉnh ủy và phân cấp, ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý, trực tiếp cho ý kiến, quyết định một số chức danh, một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi, nội dung được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại tỉnh.

2. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định đối với nhân sự Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngoài cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

4. Bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (*Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban

Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

6. Giới thiệu nhân sự đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giới thiệu đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

3. Chuẩn bị nhân sự đề Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại tỉnh. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị và việc xét phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền.

5. Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, quyết định phân cấp, uỷ quyền quản lý cán bộ cho các cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh.

6. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

7. Quyết định chỉ định hoặc thí điểm chỉ định uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc theo quy định. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao

quyền bí thư đảng bộ trực thuộc.

8. Tham gia ý kiến với các đảng uỷ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cụ thể:

- Các đảng uỷ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc sinh hoạt đảng tại địa phương.

- Ban Thường vụ Đảng uỷ Quân khu 4 về nhân sự Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính uỷ, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Ban Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương về nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

9. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định; việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân và theo định kỳ hằng quý đối với cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi thấy cần thiết.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Tỉnh uỷ

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ủy quyền cho tập thể Thường trực Tỉnh uỷ:

1. Xem xét, trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

2. Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến.

3. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra (*uỷ viên uỷ ban kiểm tra*), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.

4. Chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành, giới thiệu bầu uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc theo quy định. Chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc đối với các nhân sự được luân chuyển, điều động, bổ nhiệm giữ các chức danh có cơ cấu tham gia ban chấp hành, ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc.

5. Khi cần thiết giao phụ trách các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh uỷ; hoặc cho

chủ trương đề cấp có thẩm quyền giao phụ trách, điều hành các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh khi khuyết người đứng đầu.

6. Tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bổ trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định bổ sung (khi cần thiết), điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ nêu tại Mục II, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

7. Cho ý kiến về cử, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu của Nhà nước (100% vốn điều lệ) và các công ty cổ phần nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

8. Cho ý kiến về nhân sự giới thiệu bầu hoặc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên phụ trách Quân sự, Ủy viên phụ trách Công an khi có quyết định về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền, trước khi thực hiện quy trình bầu hoặc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

9. Giới thiệu nhân sự tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ban chấp hành, ban thường vụ trung ương các tổ chức chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

10. Tham gia ý kiến với các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về bổ nhiệm lại đối với cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương. Cho ý kiến về bổ nhiệm các chức danh tư pháp (nếu có).

11. Cho ý kiến về nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đương chức tham gia ủy viên các ban hội đồng nhân dân tỉnh; ứng cử hoặc tham gia làm thành viên hoặc giữ các chức danh lãnh đạo có cơ cấu kiêm nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ có cơ cấu kiêm nhiệm theo quy định.

12. Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương theo quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định lương; việc đi đào tạo, bồi dưỡng, đi công tác ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

13. Cho ý kiến về đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Chiến công, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Hữu nghị, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trừ các danh hiệu thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ); tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng.

14. Xem xét, quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945.

15. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và chính sách cán bộ; chỉ đạo tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý theo quy định.

16. Thực hiện chế độ nghỉ hưu, nghỉ công tác hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý.

17. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cá nhân cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi thấy cần thiết.

18. Chỉ đạo cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

19. Quyết định thẩm tra, xác minh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi có vấn đề chính trị cần xem xét theo Quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...) để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, kết luận.

Những công việc được ủy quyền nêu trên, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì Thường trực Tỉnh uỷ xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trước khi quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của các đảng ủy xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã)

1. Ban Chấp hành đảng bộ cấp xã

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh uỷ về công tác cán bộ và cán bộ tại địa phương.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; trình Thường trực Tỉnh uỷ nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp xã, chuẩn y nhân sự ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy; cho thôi tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy cấp xã theo quy định.

1.3. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh uỷ, quyết định số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã; điều chỉnh cơ cấu đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ

cầu đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy được xác định theo quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.4. Bầu ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy, bầu ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

1.6. Giới thiệu nhân sự đề hội đồng nhân dân bầu chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu đề hội đồng nhân dân cấp xã bầu giữ chức phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã trước khi ban thường vụ đảng ủy cấp xã quyết định giới thiệu đề hội đồng nhân dân bầu.

2. Ban thường vụ cấp ủy cấp xã

2.1. Quyết định phân công công tác đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

2.2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh: Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã; cấp trưởng, cấp phó cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy và tương đương ở cấp xã; cấp trưởng, cấp phó Trung tâm Chính trị cấp xã (nếu có); chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, cấp trưởng và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; trưởng ban, phó trưởng ban của hội đồng nhân dân cấp xã; ủy viên ủy ban nhân dân cấp xã, cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân cấp xã; ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã; ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy, chi ủy trực thuộc; người đứng đầu các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp xã (nếu có); công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc (*bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội*), đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy cấp xã.

2.3. Chuẩn bị nhân sự đề ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh: bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành và ủy viên ban thường vụ đảng ủy. Đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chuẩn y kết quả bầu cử bổ sung

ủy viên ban thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã.

2.4. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại địa phương. Tham gia ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về địa phương khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

2.5. Khi cần kiện toàn, bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, ban thường vụ đảng ủy cấp xã có văn bản trao đổi, thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đề bầu theo quy định.

2.6. Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị cấp xã.

2.7. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

2.8. Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các cấp ủy trực thuộc; ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc.

2.9. Chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ trực thuộc, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng ủy, chi bộ trực thuộc theo quy định; khi cần thiết, chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2.10. Quyết định hoặc cho ý kiến về nhân sự thuộc diện ban thường vụ đảng ủy cấp xã quản lý đương chức tham gia ủy viên các ban hội đồng nhân dân cấp xã; ứng cử hoặc tham gia làm thành viên hoặc giữ các chức danh lãnh đạo có cơ cấu kiêm nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, các tổ chức hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ có cơ cấu kiêm nhiệm theo quy định.

2.11. Tham gia ý kiến với cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các cơ quan ngành dọc (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó

thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương; cụ thể:

- Ban Thường vụ đảng ủy, tập thể lãnh đạo các cơ quan đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương.

- Đảng ủy Quân sự tỉnh về nhân sự chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên và chính trị viên phó Ban Chỉ huy Quân sự xã.

- Đảng ủy Công an tỉnh về nhân sự cấp trưởng, cấp phó công an cấp xã.

2.12. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận cán bộ, đảng viên thuộc diện cấp ủy cơ sở và cấp ủy cấp xã quản lý có vấn đề cần xem xét về chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ theo thẩm quyền, quy định của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và theo phân cấp.

2.13. Quyết định điều động, bố trí cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan thuộc phạm vi xã, phường, đặc khu quản lý từ khối Đảng, đoàn thể sang vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền và ngược lại theo phân cấp (trừ viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thực hiện theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và ngành dọc cấp trên). Báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý biên chế theo quy định.

2.14. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ theo phân cấp quản lý; cán bộ diện Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang nghỉ hưu tại địa phương; người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

2.15. Căn cứ điều kiện cụ thể, ban thường vụ cấp ủy cấp xã có thể ủy quyền cho thường trực cấp ủy cấp xã một số công việc; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện:

a) Quyết định thẩm tra, xác minh cán bộ, đảng viên thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp xã quản lý khi có vấn đề chính trị cần xem xét theo quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập ...) để báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp xã xem xét, kết luận theo thẩm quyền.

b) Chuẩn y kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các đảng bộ cơ sở.

c) Gợi ý kiểm điểm đối với một số tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý và cá nhân cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp xã quản lý hằng năm và khi thấy cần thiết.

d) Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

e) Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp ủy cấp xã quản lý theo đúng quy định.

g) Tham gia ý kiến về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ là cấp phó một số cơ quan thuộc thẩm quyền quyết định của ngành dọc đang công tác, sinh hoạt đảng tại địa phương theo quy định (trừ các chức danh lãnh đạo cơ quan quân sự, công an).

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

1. Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ và cán bộ theo thẩm quyền.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng ủy; Thường trực Tỉnh ủy nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

1.4. Điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy được xác định theo quy định.

1.5. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

1.6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự đề nghị chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy

2.1. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh theo thẩm quyền.

2.2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt

phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp, gồm: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ; ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; bí thư, phó bí thư, đảng ủy viên, chi ủy viên của đảng bộ, chi bộ trực thuộc; cấp trưởng (*chuyên trách*), cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cơ quan Đảng tỉnh; cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

2.3. Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư đảng ủy; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy và giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

2.4. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh theo phân cấp quản lý. Tham gia kiến về nhân sự dự kiến điều động về các địa phương, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.5. Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư chi bộ, đảng bộ trực thuộc; ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc.

2.6. Chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ trực thuộc, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chi bộ cơ sở trực thuộc theo quy định. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2.7. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận cán bộ, đảng viên thuộc diện cấp ủy cơ sở và Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý có vấn đề cần xem xét về chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Kết luận

về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ theo thẩm quyền, quy định của Bộ Chính trị và theo phân cấp.

2.8. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

2.9. Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc.

2.10. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ và cán bộ theo thẩm quyền.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng uỷ; Thường trực Tỉnh uỷ nhân sự chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ.

1.3. Căn cứ quy định của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ủy ban kiểm tra Đảng uỷ.

1.4. Điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng uỷ ngoài cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng uỷ được xác định theo quy định.

1.5. Bầu uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra (uỷ viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng uỷ.

1.6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự đề nghị chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ.

2. Ban Thường vụ Đảng uỷ

2.1. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với Uỷ viên Ban Thường vụ, Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

2.2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp, gồm: Uỷ viên ban chấp hành đảng bộ; uỷ viên ủy ban kiểm tra đảng uỷ;

bí thư, phó bí thư, đảng ủy viên, chi ủy viên của đảng bộ, chi bộ trực thuộc; cấp trưởng (*chuyên trách*), cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Ủy ban nhân dân tỉnh; các chức danh cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy theo quy định.

2.3. Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư đảng ủy; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy, chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

2.4. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp. Tham gia kiến về nhân sự dự kiến điều động về các địa phương, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.5. Cử cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo các hội quần chúng theo cơ cấu (kiêm nhiệm).

2.6. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nghỉ công tác, nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh ở ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.7. Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư chi bộ, đảng bộ trực thuộc; ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc.

2.8. Chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, chi bộ trực thuộc, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chi bộ cơ sở trực thuộc theo quy định. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2.9. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận cán bộ, đảng viên thuộc diện cấp ủy cơ sở và Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý có vấn đề cần xem xét về chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ theo thẩm quyền, quy định của Bộ Chính trị và theo phân cấp.

2.10. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác, sinh hoạt đảng tại đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

2.11. Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2.12. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy: Đảng ủy Quân sự, Công an tỉnh

1. Ban Chấp hành Đảng bộ

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy Quân khu 4, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương trong lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công an tỉnh; Thường trực Tỉnh ủy nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

1.3. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.4. Điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy ngoài cơ cấu ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ đảng ủy được xác định theo quy định.

1.5. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư (trừ Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh), phó bí thư, ủy ban kiểm tra (ủy viên ủy ban kiểm tra), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

1.6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự đề nghị chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy

2.1. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

2.2. Đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; phong, thăng, giáng, tước quân hàm sĩ quan; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

2.3. Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công an tỉnh và ủy viên ban thường vụ đảng ủy; Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ; chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy và chỉ định, giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

2.4. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và cán bộ phải có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nếu được ủy quyền); phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến với cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2.5. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc; ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chi bộ cơ sở trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách chi bộ, đảng bộ trực thuộc.

2.6. Căn cứ quy định của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân khu 4, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định ủy quyền cho ban thường vụ đảng ủy trực thuộc và phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy trực thuộc.

2.7. Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh chủ trì, phối hợp, trao đổi với

ban thường vụ đảng ủy cấp xã về nhân sự, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm các chức danh trưởng, phó trưởng công an cấp xã. Khi quyết định luân chuyển, điều động và bổ nhiệm đồng chí trưởng công an cấp xã từ đảng bộ khác trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ cấp xã thì trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thực hiện quy trình đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định tham gia đảng ủy và ban thường vụ đảng ủy cấp xã; thống nhất với đảng ủy xã để thực hiện quy trình chỉ định vào cấp ủy công an xã, ban thường vụ (nếu có) và giữ chức vụ bí thư đảng ủy (chi bộ) công an xã.

2.8. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh phối hợp với đảng ủy cấp xã chỉ đạo kiện toàn ban chỉ huy quân sự cấp xã; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đồng chí phó bí thư đảng ủy xã *(nơi có biên giới)* tham gia Đảng ủy Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng.

Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ cấp xã hoặc khi điều động, luân chuyển cán bộ đồn biên phòng trên địa bàn xã, Đảng ủy Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng báo cáo để Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh phối hợp với ban thường vụ đảng ủy cấp xã đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ đồn biên phòng tham gia đảng ủy xã.

2.9. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy trực thuộc.

2.10. Nhận xét, đánh giá, xếp loại đối với các đồng chí ủy viên ban thường vụ Đảng ủy Quân sự, Đảng ủy Công an tỉnh (trừ các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy).

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy: Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Ban thường vụ đảng ủy lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ:

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, thủ trưởng cơ quan ra quyết định về mặt nhà nước.

- Kiến nghị, đề xuất tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức

vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của cấp trên.

- Tham gia ý kiến về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu ứng cử đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định.

- Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh quyết định phân cấp một số nội dung quản lý cán bộ cho các cấp ủy trực thuộc.

- Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

- Chuẩn y, chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách tổ chức đảng trực thuộc.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Quyết định nghỉ công tác, nghỉ hưu khi đến tuổi theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các chức danh ở hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong bộ máy Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

6. Tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hằng năm.

7. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho ý kiến kiện toàn đối với chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu (khi có yêu cầu).

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý: Ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên ban chấp hành tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các chức danh quản lý khác theo phân cấp.

3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cho ý kiến đối với các chức danh người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh (ngoài các chức danh nêu tại Phụ lục 1, Quy định này); trường hợp cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghỉ hưu, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trao đổi với các cơ quan theo phân cấp quản lý đối với cán bộ nghỉ hưu quy định tại Điều 20, Quy định này.

4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh.

5. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, quy định, chính sách của Trung ương, của tỉnh về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách của cơ quan, đơn vị.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nhận xét, đánh giá, quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, phân công công tác, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, giới thiệu ứng cử; khen thưởng, kỷ luật các chức danh cán bộ của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Đảng, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ theo phân cấp quản lý.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ và các cơ quan có liên quan thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ và các chức danh cán bộ khác theo phân cấp; đồng thời, theo chức danh cán bộ để gửi văn bản lấy ý kiến ban thường vụ cấp uỷ cấp xã, Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, Ban Thường vụ Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và một số cơ quan khác (nếu có) đối với một số nhân sự liên quan trong phạm vi, lĩnh vực phụ trách theo quy định; tổng hợp, đề xuất và trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

5. Tham gia ý kiến về nhân sự ứng cử chức danh uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND cấp xã trước khi ban thường vụ đảng uỷ xã, phường, đặc khu quyết định giới thiệu theo thẩm quyền.

6. Tham mưu chế độ, chính sách đối với cán bộ; giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo uỷ quyền của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ.

7. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ lãnh đạo, quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu tại các *Mục I, II, III, Phụ lục I* của Quy định này. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, tỉnh về cán bộ; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng.

8. Theo uỷ quyền của Thường trực Tỉnh uỷ, đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ ký các văn bản kết luận, thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh uỷ về chủ trương công tác cán bộ và cán bộ.

9. Thông báo đến tập thể, cá nhân liên quan về thời hạn bổ nhiệm lại đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý để thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và cán bộ định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

10. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

11. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy

1. Kiến nghị, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy công tác tại cơ quan, đơn vị.

2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu (*các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 của Quy định này*).

3. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (*nếu có*). Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; chủ trì cho ý kiến khi luân chuyển, điều động, biệt phái, cho chuyển công tác, thẩm định nhân sự giới thiệu bầu, chỉ định và trình chuẩn y đối với các chức danh chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định các nội dung liên quan đến nhân sự nêu tại Khoản 2 Điều này (khi có yêu cầu); trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kỷ luật cán bộ.

Điều 20. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý:

Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (*không bao gồm các trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được*

điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý) phải được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (*không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức*); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), giám đốc (*tổng giám đốc*) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*FDI*).

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

- Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý:

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau:

- Các đồng chí nguyên: Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các đồng chí nguyên Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

- Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

2.2. Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau:

- Các đồng chí nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

- Các đồng chí nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (chuyên trách).

2.3. Ngoài các chức danh được nêu tại Điểm 2.1, 2.2 Khoản 2 Điều này, các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cho ý kiến đối với các chức danh còn lại, như sau:

- Ban Thường vụ Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi còn đang công tác tại Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi còn đang công tác tại Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi còn đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Ban Thường vụ Đảng uỷ các xã, phường, đặc khu và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi còn đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương *(bao gồm cán bộ giữ chức bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã nghỉ hưu trên địa bàn trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp)*.

2.4. Đối với nội dung khen thưởng: Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, cho ý kiến về đề nghị xét tặng các loại huân chương, huy chương, các danh hiệu nhà nước đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu *(bao gồm cả cấp trưởng, cấp phó các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn khi có yêu cầu)*.

2.5. Đối với nội dung cán bộ đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng thực hiện theo quy định của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

3. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh căn cứ Điều 20 của Quy định này để quản lý và phân cấp quản lý đối với cán bộ thuộc diện quản lý sau khi nghỉ hưu cho phù hợp.

Chương III **QUY HOẠCH CÁN BỘ**

Điều 21. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở Trung ương với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ

quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh.

3. Quy hoạch chức danh cấp ủy gắn với chức danh lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương.

4. Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh (chức vụ) cao hơn chức danh đang đảm nhiệm; không quy hoạch chức danh đang đảm nhiệm, chức danh tương đương, chức danh thấp hơn hoặc chức danh kiêm nhiệm theo cơ cấu. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 22. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

- Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- + Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm*

điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp uỷ có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

+ Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

+ Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

- Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

- Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 23. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị tỉnh, bao gồm:

- Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (là cán bộ của tỉnh).
- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý.

- Các chức danh thuộc diện các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các chức danh Uỷ viên Ban Chấp hành, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý và các chức danh thuộc cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý thực hiện theo *Phụ lục 2*.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ *Phụ lục 2* để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo quy định.

3. Ban thường vụ đảng uỷ cấp xã quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã, uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cấp xã và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của ban thường vụ đảng uỷ cấp xã theo quy định.

4. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ:

- Tham mưu triển khai thực hiện chủ trương, quy định của Trung ương, của tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý.

- Tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (*khi cần thiết hoặc theo yêu cầu*) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ và cơ quan liên quan:

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ.

4. Về thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch

theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không quá 15 ngày làm việc.

Điều 26. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện tương tự*).

2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong Quý I và báo cáo cấp trên trực tiếp về kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp mình quản lý trong Quý II, chậm nhất tháng 6. Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc tương đương theo Quy định số 365-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị.

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý: (i) Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; (ii) Đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch, thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định; (iii) Đối với cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ ít và không có tổ chức trực thuộc, thì giao cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh có trách nhiệm cụ thể hoá, quy định về trình độ lý luận chính trị của đối tượng quy hoạch cho phù hợp với đặc điểm của cơ quan, đơn vị.

- Về điều kiện kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới (đối với đối tượng 1): Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc toàn diện về phẩm chất, năng lực, uy tín và triển vọng phát triển xem xét, quyết

định quy hoạch đối với từng trường hợp cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Về độ tuổi quy hoạch:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp uỷ, lãnh đạo cấp uỷ, các ban, cơ quan của Đảng, uỷ ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (*Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị đối với trường hợp khác*) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 28. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng:

- Hệ số quy hoạch cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu:

Phân đấu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp uỷ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã*) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%, tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp xã và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý.

Điều 29. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý: Thực hiện theo *Phụ lục 3*.

- Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc tỉnh căn cứ *Phụ lục 3* để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo *Phụ lục 6*.

Điều 30. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (qua Ban Tổ chức Tỉnh uỷ) (*kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch*) đối với các chức danh uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 31. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (*cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết*).

Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật, thì các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải kịp thời

quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa ngay ra khỏi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

Đối với các trường hợp còn lại, thì thực hiện kết hợp vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm gần nhất theo quy định.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (i) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 5 năm (*tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực*) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (ii) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 33. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

4. Đối với việc bổ nhiệm sĩ quan trong lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định của Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương; trường hợp Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an Trung ương không quy định thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 34. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật *(do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp uỷ có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra)*.

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu *(nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo)* do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách *(sau 24 tháng)*; cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ *(sau 36 tháng)*; cách chức *(sau 60 tháng)*, tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm *(nếu có)* theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp uỷ trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỷ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách *(trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức*

vụ, quyền hạn để trực lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội).

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 35. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo

đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 36. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (*liền kề*) hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh (chức vụ) lãnh đạo, quản lý (*cao hơn*) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt không bảo đảm độ tuổi theo quy định, thì phải còn ít nhất là 04 năm (48 tháng) đối với nhiệm kỳ 05 năm (60 tháng) và do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử xem xét, quyết định; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ chịu trách nhiệm về quyết định của mình và phải tiến hành các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Rà soát, đánh giá toàn diện, dân chủ, khách quan về chất lượng nguồn nhân sự trong quy hoạch và chức danh tương đương, gắn kết chặt chẽ với

tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bước 2: Nếu không có nguồn nhân sự đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thì cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành đánh giá khách quan, toàn diện, kỹ lưỡng về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự thuộc trường hợp “đặc biệt về độ tuổi” trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả đánh giá, các cấp ủy, tổ chức đảng báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp ủy, tổ chức đảng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 37. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (*60 tháng*) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 38. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Căn cứ số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh (*sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo*) thực hiện các công việc sau:

1. Có văn bản trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, nguồn nhân sự, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định (*khi thực hiện quy trình thì mời Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đảng ủy cấp trên trực tiếp tham dự; đối với các chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm hoặc phê chuẩn thì mời Sở Nội vụ tham dự*). Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định nhân sự:

4.1. Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình (*kèm theo biên bản hội nghị, biên bản kiểm phiếu các bước thực hiện quy trình*), hồ sơ nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (*qua Ban Tổ chức Tỉnh uỷ*) để thẩm định nhân sự.

4.2. Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ gửi văn bản (*kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự*) lấy ý kiến thẩm định của các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

4.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (*trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thì thời gian trả lời ngắn hơn hoặc theo thời gian cụ thể*). Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh uỷ để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

4.4. Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (*nếu có*) và ban hành tờ trình đề xuất Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

4.5. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, quyết định theo chương trình công tác. Nếu không tổ chức họp, trường hợp cần thiết có thể gửi phiếu biểu quyết xin ý kiến các đồng chí Thường trực Tỉnh uỷ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo thẩm quyền.

4.6. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kết luận, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Tỉnh uỷ ký hoặc thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 39. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ: Thực hiện theo *Phụ lục 4*.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác.

2.1. Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 47 của Quy định này.

3. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với tổ chức có đặc thù: Giao Ban Tổ chức Tỉnh uỷ phối hợp với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, tổng thể và liên thông.

Điều 40. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền cấp xã và cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh

1. Khi cần bổ sung cấp uỷ viên cấp uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ còn thiếu so với quy định thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Đối với bổ sung, kiện toàn chức danh uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND cấp xã thì ban thường vụ đảng uỷ có văn bản trao đổi, thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh uỷ trước khi tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự. Giao Ban Tổ chức Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan

liên quan (nếu cần thiết) thẩm định và có ý kiến về nhân sự trước khi ban thường vụ đảng uỷ cấp xã giới thiệu để bầu theo quy định.

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp uỷ, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Đối với nhân sự dự kiến giới thiệu để bầu giữ chức bí thư, phó bí thư đảng uỷ kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì xin ý kiến đồng thời về 2 chức vụ để Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ cho chủ trương cùng một lần.

Điều 41. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp uỷ địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (*không quản lý trực tiếp*) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp uỷ địa phương theo quy định của Trung ương, của tỉnh, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Trung ương và của tỉnh.

Chương V BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 42. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra

nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Điều 34.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 43. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

Những trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy uỷ quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định, xem xét cho ý kiến bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Sau khi có kết luận, ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong phạm vi phụ trách.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 5 năm như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn đủ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (*bằng phiếu kín*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 44. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (*bằng phiếu kín*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (*thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*).

3. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (*không quá bán*) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 4, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 45. Mục đích, yêu cầu điều động, biệt phái cán bộ

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 46. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền: Theo phân cấp quản lý cán bộ.

Khi cần thiết, Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhiệm các chức vụ thuộc diện Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 47. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ:

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động:

Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ:

2.1. Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 48. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái đến những vùng khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách.

3. Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan quy định chế độ, chính sách cụ thể.

Chương VII **CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM** **ĐỐI VỚI CÁN BỘ**

Điều 49. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (*trừ trường hợp quy định tại Điểm 3, Điều 53*).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 50. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ:

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (*trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm*) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỉ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (*trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng*) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (*hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp*) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức:

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (*trừ trường hợp bản thân không biết*).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Điểm (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại Điểm (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức:

- Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại Khoản 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, Điểm 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm:

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (*liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao*).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 51. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

4. Cán bộ khi có một trong các căn cứ tương ứng nêu tại các Khoản 1, 2, 3, Điều 50, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm theo đúng quy định.

Điều 52. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

1.1. Khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

1.4. Về quy trình cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:

- Khi có một trong các căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định, thì thực hiện như sau:

+ Ban Tổ chức Tỉnh ủy trao đổi với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về chủ trương để cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức hoặc miễn nhiệm.

+ Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm trao đổi với cán bộ trước khi báo cáo với tập thể đảng ủy, chi ủy, lãnh

đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác xem xét, cho ý kiến và gửi văn bản báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (qua Ban Tổ chức Tỉnh uỷ).

+ Trên cơ sở ý kiến của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Ban Nội chính Tỉnh uỷ và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan; tổng hợp ý kiến, trình Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, các cơ quan chức năng thực hiện thủ tục theo quy định.

1.5. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nêu tại điểm 1.4, khoản 1 Điều này, có trách nhiệm cụ thể hóa, hướng dẫn việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ diện cấp mình quản lý bảo đảm đúng quy định và phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 53. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*).

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một*

cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (*nếu có*), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm

- Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, Điểm 3, Điều 50, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 54. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (*sau đây gọi tắt là người đứng đầu*) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý do Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp uỷ viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, Uỷ viên Uỷ ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam và uỷ viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp uỷ cấp trên trực tiếp (*hoặc cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp*) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 55. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết:

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng:

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 56. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu:

- Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (nêu tại Phụ lục 5) khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

- Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

- Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác:

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu

- Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55; huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

- Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.
- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 57. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 55 thì chậm nhất sau 02 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

3. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 268-QĐ/TU, ngày 22/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo);
- Vụ II, Ban Tổ chức TW Đảng;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Các ĐV sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Các DN trực thuộc UBND tỉnh;
- Các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ;
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục 1
CHỨC DANH CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Chức danh cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

1. Các cơ quan cấp tỉnh

1.1. Các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh hoạt động chuyên trách.
- Trưởng ban, phó trưởng ban thuộc Tỉnh ủy; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy.
- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn; Giám đốc, Phó Giám đốc Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh.
- Trưởng ban, phó trưởng ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh.
- Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh đoàn.
- Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.
- Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.
- Giám đốc, Phó Giám đốc: Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng, công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Quỹ Phát triển đất tỉnh.
- Chủ tịch: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh

Hợp tác xã tỉnh; người đứng đầu các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh.

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.
- Hiệu trưởng các trường cao đẳng trực thuộc tỉnh.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh¹.

1.2. Các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tham gia ý kiến với các cơ quan ngành dọc Trung ương

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.
- Chỉ huy trưởng, Chính uỷ, Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.
- Cấp trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng trên địa bàn tỉnh².

2. Các xã, phường, đặc khu và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh ủy

- Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.
- Bí thư, Phó Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

II. Chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy

1. Các cơ quan cấp tỉnh

1.1. Các chức danh do Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.
- Phó Chủ tịch: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
- Phó Hiệu trưởng các trường cao đẳng trực thuộc tỉnh.
- Phó Giám đốc doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹ Gồm: Công ty TNHH MTV: Lâm Công nghiệp Long Đại, Lâm Công nghiệp Bắc Quảng Bình, Lâm nghiệp Bến Hải, Lâm nghiệp đường 9, Lâm nghiệp Triệu Hải, Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Bình, Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Trị, Xổ số kiến thiết Quảng Bình, Xổ số kiến thiết Quảng Trị; Công ty Cổ phần: Việt Trung, Lệ Ninh, Cấp nước Quảng Bình, Nước sạch Quảng Trị, Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình, Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà

² Hải quan, Thuế, Thi hành án dân sự, Bảo hiểm xã hội, Thống kê, Dự trữ Nhà nước ...

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945.

- Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh.

- Các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tham gia lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các hội nghề nghiệp cấp tỉnh.

1.2. Các chức danh do Thường trực Tỉnh ủy tham gia ý kiến với các cơ quan ngành dọc Trung ương

- Cấp phó các cơ quan ngành dọc Trung ương quản lý sinh hoạt đảng trên địa bàn tỉnh.

- Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước có cổ phần chi phối thuộc ngành dọc Trung ương quản lý công tác và sinh hoạt đảng trên địa bàn tỉnh³.

III. Những chức danh phát sinh mới và chưa được phân cấp trong Phụ lục này, nếu quy định tương đương chức danh nào thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét quyết định chức danh đó theo thẩm quyền phân cấp.

³ Giám đốc, phó giám đốc: Ngân hàng Phát triển, Ngân hàng Chính sách - xã hội, các ngân hàng thương mại nhà nước (nếu có), Bưu điện tỉnh, Viễn thông tỉnh, Công ty Điện lực tỉnh, Công ty Xăng dầu ...

Phụ lục 2
ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH
(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

I- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ (Nguồn nhân sự tại chỗ)

1- Quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh uỷ

1.1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Tỉnh uỷ; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Các đồng chí Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng chưa là đối tượng 1.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN, PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH (Nguồn nhân sự tại chỗ)

1- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1.1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư các đảng uỷ trực thuộc; bí thư đảng uỷ cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Phó bí thư đảng uỷ cấp xã và tương đương; trưởng phòng của ban, sở, ngành cấp tỉnh và tương đương; cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2- Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

2.1. Đối tượng 1: Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư đảng uỷ trực thuộc; bí thư đảng uỷ cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH QUY HOẠCH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

1. Quy hoạch cấp trưởng các sở, ban, ngành, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

1.1. Đối tượng 1: Cấp phó các sở, ban, ngành; Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (*không bao gồm cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh*), các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; phó bí thư đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ; bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, phó bí thư đảng ủy cấp xã, cấp trưởng phòng, ban và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch cấp phó các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

2.1. Đối tượng 1: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, phó bí thư đảng ủy cấp xã, cấp trưởng phòng, ban và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Cấp phó trưởng phòng, ban và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Quy hoạch chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch kiêm giám đốc, tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước

1.1. Đối tượng 1: Cấp phó, thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) các doanh nghiệp Nhà nước và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc doanh nghiệp.

Các đồng chí này phải được quy hoạch các chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch cấp phó các doanh nghiệp Nhà nước

2.1. Đối tượng 1: Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc doanh nghiệp.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Cấp phó các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc doanh nghiệp.

Các đồng chí này phải được quy hoạch các chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CHỨC DANH ỦY VIÊN ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng phòng, ban và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, uỷ viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp phó trưởng phòng, ban và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI- ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH TẠI CÁC ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

1. Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

1.1. Đối tượng 1:

- Đối với cấp xã, phường, đặc khu: Cấp trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu và tương đương và cấp phó các chức danh trên (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường, đặc khu (*được quy hoạch chức danh bí thư*).

- Đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh (*ngoài cơ cấu chức danh kiêm nhiệm*): Cấp phó các ban, cơ quan tham mưu giúp việc đảng ủy; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc và tương đương; Bí thư, phó bí thư đảng ủy trực thuộc (*được quy hoạch chức danh có cơ cấu cấp ủy của đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2:

- Đối với xã, phường, đặc khu: Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu (*chưa được quy hoạch chức danh cấp trưởng*), phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường, đặc khu (*chưa được quy hoạch chức danh bí thư*).

- Đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc và cấp phó của các tổ chức chính trị - xã hội của đảng ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch ban thường vụ các đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

2.1. Đối tượng 1: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2:

- Đối với xã, phường, đặc khu: Cấp phó các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã, phường, đặc khu và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường, đặc khu (*được quy hoạch chức danh bí thư*).

- Đối với Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh: Cấp phó các ban, cơ quan, tham mưu giúp việc của đảng ủy (*chưa tham gia cấp ủy*); bí thư các đảng bộ (chi bộ) trực thuộc (*chưa tham gia cấp ủy*).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ

tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

3. Quy hoạch chức danh bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu

3.1. Đối tượng 1: Phó bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3.2. Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

4. Quy hoạch chức danh phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, phó bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

4.1. Đối tượng 1:

- Đối với xã, phường, đặc khu: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và tương đương.

- Đối với các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

4.2. Đối tượng 2: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

5. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu

5.1. Đối tượng 1: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu; cấp trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu (*chưa tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ và có quy hoạch cấp ủy viên*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

5.2. Đối tượng 2: Cấp phó các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VII- QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN TẬP THỂ LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

1. Quy hoạch cấp trưởng phòng và tương đương

1.1. Đối tượng 1: Phó Trưởng phòng và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

1.2. Đối tượng 2: Chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương

Các đồng chí này phải được quy hoạch các chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

2. Quy hoạch cấp phó trưởng phòng và tương đương

2.1. Đối tượng 1: Chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2.2. Đối tượng 2: Chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương còn thiếu điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm.

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

Phụ lục 3
QUY TRÌNH QUY HOẠCH
CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC DIỆN
BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- QUY TRÌNH QUY HOẠCH ĐẦU NHIỆM KỲ VÀ RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Quy trình quy hoạch

Bước 1: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. (ii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (*trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch*). (iii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Thành phần:

- + Đối với Tỉnh ủy: Bí thư Tỉnh ủy và tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- + Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
- + Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Trưởng đoàn và Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (chuyên trách); Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

+ Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Người đứng đầu và tập thể ban thường vụ.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, ban thường vụ đảng ủy (nơi không có ban thường vụ là bí thư, phó bí thư đảng ủy, chi ủy).

+ Đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Bí thư và tập thể ban thường vụ đảng ủy.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Đối với Tỉnh ủy: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh (*bao gồm các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại địa phương*); bí thư các đảng ủy trực thuộc và bí thư đảng ủy cấp xã.

+ Đối với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng, phó trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân

dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (chuyên trách).

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban chấp hành đảng bộ, chi bộ; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc.

+ Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên, chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu; ban chấp hành đảng bộ, chi bộ; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Ban chấp hành; trưởng, phó các tổ chức trực thuộc và tương đương trở lên; trưởng, phó các ban chuyên môn giúp việc, đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; người đứng đầu tổ chức hội trực thuộc ở cấp xã; ban chấp hành đảng bộ, chi bộ.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; ban chấp hành chi bộ, đảng bộ cơ sở; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc và thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên.

+ Đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu: Ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp ủy xã, phường, đặc khu; cấp trưởng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các phòng, ban và tương đương ở xã, phường, đặc khu (*bao gồm các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại xã, phường, đặc khu*); bí thư các đảng ủy, chi ủy trực thuộc.

+ Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ban chấp hành đảng bộ; cấp trưởng, cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; bí thư, phó bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu:

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

+ Đối với Tỉnh uỷ: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đối với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (chuyên trách); trưởng phòng (ban) và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có).

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban thường vụ đảng uỷ (nơi không có ban thường vụ là cấp uỷ viên cấp uỷ cơ sở).

+ Đối với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; chủ tịch, phó chủ tịch các tổ chức chính trị - xã hội; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban thường vụ đảng uỷ (nơi không có ban thường vụ là cấp uỷ viên cấp uỷ cơ sở).

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Ban chấp hành.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; ban thường vụ đảng uỷ (nơi không có ban thường vụ là cấp uỷ viên cấp uỷ cơ sở).

+ Đối với đảng uỷ xã, phường, đặc khu và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ: Ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Thành phần: Như bước 1.

- **Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu:** Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với các bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

II- QUY TRÌNH RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TỪ NƠI KHÁC

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (hoặc giao cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ) gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo *(lần 2)*

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự *(bằng phiếu kín)* để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
 - Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.
 - Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.
-

Phụ lục 4
QUY TRÌNH
BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ CÁC CHỨC DANH
LÃNH ĐẠO THUỘC ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ
TỪ NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo.

Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (*gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên*), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Thành phần:

- + Đối với Tỉnh uỷ: Bí thư Tỉnh uỷ và tập thể Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.
- + Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh (ban có kiện toàn nhân sự).
- + Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Trưởng đoàn và Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (chuyên trách); Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.
- + Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh: Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.
- + Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.
- + Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Người đứng đầu và tập thể ban thường vụ.
- + Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, ban thường vụ đảng uỷ hoặc chi uỷ (*nơi không có ban thường vụ là đảng uỷ; nơi không có chi uỷ là bí thư, phó bí thư chi bộ*).
- + Đối với đảng uỷ xã, phường, đặc khu và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ: Bí thư và tập thể ban thường vụ đảng uỷ.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ Đối với Tỉnh uỷ: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đối với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng uỷ Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (chuyên trách); trưởng phòng (ban) và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có).

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là tập thể lãnh đạo mở rộng, gồm: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (cấp trưởng, cấp phó); trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban thường vụ đảng uỷ hoặc chi uỷ (*nơi không có ban thường vụ là đảng uỷ; nơi không có chi uỷ là bí thư, phó bí thư chi bộ*).

+ Đối với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban thường vụ đảng uỷ hoặc chi uỷ (*nơi không có ban thường vụ là đảng uỷ; nơi không có chi uỷ là bí thư, phó bí thư chi bộ*).

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Ban chấp hành.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; ban thường vụ đảng uỷ hoặc chi uỷ (*nơi không có ban thường vụ là đảng uỷ; nơi không có chi uỷ là bí thư, phó bí thư chi bộ*). Đối với những nơi chưa có chủ tịch

hội đồng thành viên (hội đồng quản trị) là bí thư đảng ủy.

+ Đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu đồng ý có nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị*).

- Thành phần:

+ Đối với Tỉnh ủy: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng các cơ quan, đơn vị: Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy⁴; đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy⁵; các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh⁶; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính⁷, đơn vị sự nghiệp⁸ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan ngành dọc Trung ương có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ tỉnh⁹; bí thư các đảng ủy trực thuộc và bí thư đảng ủy xã, phường, đặc khu.

⁴ Gồm: Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy.

⁵ Gồm: Trường Chính trị Lê Duẩn, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh.

⁶ Gồm: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁷ Gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, các Sở và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

⁸ Gồm các đơn vị: Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng, công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông, Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Công trình Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, Quỹ Phát triển Đất, Trường Đại học Quảng Bình.

⁹ Gồm: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, Hải quan, Thi hành án Dân sự, Thống kê, Thuế; Dự trữ Nhà nước.

+ Đối với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng, phó trưởng các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội (chuyên trách).

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; ban thường vụ hoặc chi ủy (*nơi không có ban thường vụ là đảng ủy; nơi không có chi ủy là bí thư, phó bí thư chi bộ*); trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc.

+ Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương trở lên; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu; ban thường vụ hoặc chi ủy (*nơi không có ban thường vụ là đảng ủy; nơi không có chi ủy là bí thư, phó bí thư chi bộ*); trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Ban chấp hành; trưởng, phó các tổ chức trực thuộc và tương đương trở lên; trưởng, phó ban chuyên môn giúp việc, đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; người đứng đầu tổ chức hội trực thuộc ở cấp xã; ban thường vụ đảng ủy hoặc chi ủy (*nơi không có ban thường vụ là đảng ủy; nơi không có chi ủy là bí thư, phó bí thư chi bộ*); trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc (nếu có).

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; ban thường vụ đảng ủy hoặc chi ủy (*nơi không có ban thường vụ là đảng ủy; nơi không có chi ủy là bí thư, phó bí thư chi bộ*); đối với những nơi chưa có chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị) là bí thư đảng ủy; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc và thành viên Hội đồng quản trị, hội đồng thành viên.

+ Đối với đảng ủy xã, phường, đặc khu: Ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; cấp trưởng các cơ quan tham

mu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảng uỷ xã, phường, đặc khu; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các phòng, ban và tương đương ở xã, phường, đặc khu (*bao gồm các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại xã, phường, đặc khu*); bí thư các đảng uỷ, chi uỷ trực thuộc.

+ Đối với đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ: Ban chấp hành đảng bộ; cấp trưởng, cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc; bí thư, phó bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội thuộc đảng uỷ.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo.

Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của ban thường vụ đảng uỷ (*đối với những nơi đảng uỷ không lãnh đạo toàn diện*); kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thành phần:

+ Đối với Tỉnh uỷ: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh (ban có kiện toàn nhân sự).

+ Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Trưởng đoàn và Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (chuyên trách); Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Đối với sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh: Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

+ Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

+ Đối với tổ chức bầu cử (tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng ...): Người đứng đầu và tập thể ban thường vụ.

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; chủ tịch kiêm giám đốc; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng

giám đốc hoặc phó giám đốc, ban thường vụ đảng uỷ hoặc chi uỷ (*nơi không có ban thường vụ là đảng uỷ; nơi không có chi uỷ là bí thư, phó bí thư chi bộ*).

+ Đối với đảng uỷ xã, phường, đặc khu và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ: Ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc lựa chọn:

Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự đề trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

* **Lưu ý:** (i) Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự. (ii) Hội nghị ở các bước chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và phiếu giới thiệu ở các bước có thể ký tên hoặc không ký tên; kết quả kiểm phiếu công bố tại hội nghị (*trừ bước 3*). (iii) Trường hợp kiện toàn nhân sự từ 2 người trở lên thì cũng thực hiện theo nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn nhân sự như ở các bước nêu trên. (iv) Đối với những nơi có cơ cấu tổ chức đặc thù, số lượng cán bộ ít, không có tổ chức trực thuộc hoặc nơi không có ban thường vụ thì giao cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nêu trên, có trách nhiệm cụ thể hoá các bước, thành phần dự hội nghị; bảo đảm theo quy định và phù hợp với đặc điểm của cơ quan, đơn vị.

Phụ lục 5
CÁC CHỨC DANH CÓ THẨM QUYỀN TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC
ĐỐI VỚI CÁC BỘ CẤP DƯỚI

(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

I- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG.

1. Bí thư Tỉnh uỷ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Bí thư Tỉnh uỷ, trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh uỷ; bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu.

2. Trưởng các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh uỷ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

4. Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó bí thư; trưởng, phó, người làm việc trong các ban tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng uỷ; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

II- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Cơ quan Hội đồng nhân dân các cấp

1.1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng ban, phó trưởng ban, chánh văn phòng, phó chánh văn phòng, người làm việc trong Hội đồng nhân dân tỉnh; chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu.

1.2. Chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu; trưởng ban, phó trưởng ban và người làm việc trong hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu.

2. Cơ quan hành chính nhà nước

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, đặc khu; người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, giúp việc trực thuộc Ủy ban

nhân dân tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2.3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2.4. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và người làm việc trong ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

3. Cơ quan toà án, viện kiểm sát

3.1. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, người làm việc trong Tòa án nhân dân tỉnh.

Chánh án Tòa án nhân dân khu vực quyết định tạm đình chỉ công tác đối với phó chánh án toà án nhân dân khu vực, người làm việc trong toà án nhân dân khu vực.

3.2. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực, người làm việc trong Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó viện trưởng viện kiểm sát nhân dân khu vực, người làm việc trong viện kiểm sát nhân dân khu vực.

III- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình (*không bao gồm cấp phó là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội*); trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc của Ủy ban; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh.

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với người làm việc trong tổ chức của mình.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị

trực thuộc, người làm việc trong Ủy ban; người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở xã, phường, đặc khu.

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu là trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở xã quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2. Cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

IV- ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Thực hiện theo Quy định của Quân uỷ Trung ương và Đảng uỷ Công an nhân dân.

Phụ lục 6
DANH MỤC HỒ SƠ QUÝ HOẠCH; BỔ NHIỆM,
GIỚI THIỆU ÚNG CỬ; BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ
(Kèm theo Quy định số -QĐ/TU, ngày /8/2026
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

Danh mục hồ sơ thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản hội nghị, biên bản kiểm phiếu ở các bước (bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ).

2. Hồ sơ nhân sự gồm:

(1). Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

(2). Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

(3). Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng uỷ cơ sở nơi công tác.

(4). Nhận xét của cấp uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

(5). Bản tự nhận xét, đánh giá 3 năm gần nhất của cá nhân.

(6). Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

(7). Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

(8). Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền).

(9). Giấy khám sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

*** Lưu ý:** (i) Các tài liệu nêu tại Mục (1), (2), (3), (4), (5), (7), (9) không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét. (ii) Đối với bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (gồm cả kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu) thì thành phần hồ sơ không nhất thiết bao gồm tài liệu nêu tại Mục (6), (8), trừ trường hợp có nội dung mới phát sinh.